

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2023/DS-PT

Ngày: 06 - 7 - 2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Duy Thuấn;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 113/2023/TLPT-DS ngày 17/5/2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST, ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐ-PT, ngày 31/5/2013 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐ-PT ngày 23/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ; địa chỉ: Thôn TA, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (ông Trương Hoài V đã ủy quyền cho bà Trần Thị Lin Đ tham gia tố tụng), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thái Khắc T; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Thái Thị X; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Thái Khắc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ trình bày có nội dung như sau:*

Do có mối quan hệ quen biết, nên vợ chồng ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ có cho ông Lê Thái Khắc T vay tiền, cụ thể: Ngày 30/12/2017, cho vay số tiền là 1.550.000.000 đồng, mục đích ông T vay để mua tài sản đầu giá, thời hạn

vay hai bên thỏa thuận miệng là 01 năm, ông T đã viết và ký giấy mượn tiền đề ngày 30/12/2017; ngày 17/7/2019, ông T vay thêm số tiền là 3.000.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, lãi suất là 1.5%/tháng, có lập Giấy vay tiền và ông T ký nhận tại mục người vay tiền.

Đến hạn trả nợ ông V và bà Đ đã yêu cầu nhưng ông T không trả được nợ vay và tiền lãi, cho đến nay sau nhiều lần liên hệ với ông T yêu cầu trả nợ nhưng ông T không hợp tác. Vì vậy, ông V và bà Đ khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền như sau:

- Đối với số tiền vay ngày 30/12/2017: Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Lin Đ đã xác nhận về khoản vay 1.550.000.000 đồng, thì vào cuối năm 2018 (không nhớ rõ thời gian cụ thể), ông T có trả được số tiền là 250.000.000 đồng, nên đề nghị trừ số tiền 250.000.000 đồng mà ông T đã trả vào số tiền nợ gốc 1.550.000.000 đồng và yêu cầu ông T trả 1.300.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật;

- Đối với số tiền vay ngày 17/7/2019: Yêu cầu ông T trả 3.000.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, cụ thể: Tiền lãi trong hạn là: $3.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 135.000.000 \text{ đồng}$; tiền lãi quá hạn là: $3.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 150\% \times 29 \text{ tháng} = 1.957.500.000 \text{ đồng}$ và tiền lãi quá hạn trên nợ lãi chưa trả là: $135.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 50\% \times 29 \text{ tháng} = 29.362.500 \text{ đồng}$.

**/ Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn ông Lê Thái Khắc T đã nhận các thông báo tố tụng nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án.*

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2023, bị đơn ông Lê Thái Khắc T trình bày có nội dung như sau:

Ông Lê Thái Khắc T có mối quan hệ bạn bè quen biết với vợ chồng ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ và ông có vay của vợ chồng ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ số tiền là 1.550.000.000 đồng vào ngày 30/12/2017, khi vay ông T có viết giấy, ký xác nhận vay tiền, mục đích vay tiền là để mua tài sản đấu giá của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Ông T là người đứng và ký khoản nợ vay, về lãi suất theo mức lãi suất ngân hàng, việc thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ thì giữa ông V, bà Đ với mẹ ông T là bà Thái Thị X thỏa thuận với nhau. Từ thời điểm vay đến nay, bà Thái Thị X (mẹ ông T) đã đứng ra trả nợ thay cho ông T, cụ thể đã trả cho ông V, bà Đ số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng vào ngày 30/12/2018 và sau đó khoảng 01 tháng, bà X trả thêm 50.000.000 đồng tiền mặt và không có giấy tờ biên nhận, nên tổng số tiền gốc ông T đã trả được 250.000.000 đồng. Ông T thừa nhận hiện nay ông còn nợ ông V, bà Đ số tiền gốc là 1.300.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Ngoài khoản nợ này, ông T không còn vay nợ ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ thêm khoản vay nào khác nữa.

Đối với số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) mà ông V và bà Đ khởi kiện theo giấy vay tiền ngày 17/7/2019, thì ông T xác định ông hoàn toàn không biết và không có vay số tiền này. Ông T thừa nhận chữ viết và chữ ký mang tên “Lê Thái Khắc T” tại mục “Người yêu cầu vay tiền” của giấy vay tiền ngày 17/7/2019 là chữ ký và chữ viết của ông, nhưng không biết tại sao ông V, bà Đ lại có giấy vay tiền này, vì ông không có vay số tiền 3.000.000.000 đồng này. Ông T xác định việc có

chữ ký, chữ viết của ông tại giấy vay tiền ngày 17/7/2019, có thể là do giữa ông và vợ chồng ông V, bà Đ là chỗ bạn bè quen biết nhau, nên khi ông V, bà Đ đưa cho ông một số giấy tờ liên quan tới đất đai và nói ông ký không vào, thì ông đã tin tưởng và ký vào giấy, mà không nghĩ đến việc ông V, bà Đ lại viết giấy nợ cho rằng ông vay số tiền 3.000.000.000 đồng, tuy nhiên đó là suy đoán của ông, chứ không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Việc ông V và bà Đ khởi kiện, thì ông T đồng ý trả số tiền vay còn nợ là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật của khoản vay ngày 30/12/2017. Đối với khoản vay 3.000.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 17/7/2019, thì ông T không đồng ý trả vì thực tế ông không có vay số tiền này.

**/ Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2023, người làm chứng bà Thái Thị X trình bày có nội dung như sau:*

Bà Thái Thị X là mẹ ruột của ông Lê Thái Khắc T, bà X có quan hệ quen biết với ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ.

Bà X xác định giữa bà và vợ chồng ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ không phát sinh quan hệ vay mượn gì với nhau, bà có biết việc con bà là Lê Thái Khắc T có vay tiền của vợ chồng ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ số tiền là 1.550.000.000 đồng vào ngày 30/12/2017. Theo bà biết, khi vay thì giữa ông V, bà Đ với ông T thỏa thuận bằng miệng về lãi suất của số tiền vay tính theo lãi suất ngân hàng, thời hạn vay là 03 tháng. Tuy nhiên do làm ăn khó khăn nên đến hạn ông T chưa có tiền để trả số nợ gốc cho vợ chồng ông V, bà Đ. Sau đó, bà X có thay ông T trả cho vợ chồng ông V, bà Đ số tiền 250.000.000 đồng nợ gốc, nên ông T chỉ còn nợ gốc là 1.300.000.000 đồng. Đối với số tiền 3.000.000.000 đồng mà ông T ký nhận nợ của ông V và bà Đ theo giấy vay tiền ngày 17/7/2019, thì bà X không biết và không liên quan, bà có nghe ông T nói lại là không có vay khoản tiền này của vợ chồng ông V, bà Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST, ngày 121/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 2, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 19 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hoài V, bà Trần Thị Lin Đ.

Buộc bị đơn ông Lê Thái Khắc T phải trả cho nguyên đơn ông Trương Hoài V, bà Trần Thị Lin Đ tổng số tiền 7.547.345.000 đồng (Bảy tỷ năm trăm bốn mươi

bảy triệu đồng); Trong đó: Nợ gốc là 4.300.000.000 đồng và nợ lãi là 3.247.345.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/4/2023, bị đơn ông Lê Thái Khắc T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Đối với khoản tiền ông V, bà Đ khởi kiện là 3.000.000.000 đồng vay ngày 17/7/2019 là hoàn toàn không đúng, vì thực tế ông T không có vay số tiền này, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại về giấy vay tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn ông Lê Thái Khắc T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng ông không có vay số tiền 3.000.000.000 đồng, nên chỉ đồng ý trả số tiền 1.300.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền vay còn nợ là 1.300.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vào ngày 30/12/2017, ông T vay của ông V, bà Đ số tiền 1.550.000.000 đồng, đã trả được 250.000.000 đồng, nên còn nợ là 1.300.000.000 đồng; đối với Giấy vay tiền ngày 17/7/2019, số tiền vay là 3.000.000.000 đồng: Ông T thừa nhận chữ ký và chữ viết tại giấy vay tiền là chữ viết và ký của ông T, nhưng ông không có vay số tiền này và có thể do ông ký không vào 01 tờ giấy trắng nhằm thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ông V, bà Đ lợi dụng việc này để ghi số tiền nợ để khởi kiện. Tuy nhiên, ông T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, đồng thời kết luận giám định cũng đã xác định chữ viết, chữ ký mang tên Lê Thái Khắc T tại giấy vay tiền ngày 17/7/2019 là do ông T viết và ký ra. Do đó bản án sơ thẩm buộc ông Lê Thái Khắc T phải trả cho ông Trương Hoài V, bà Trần Thị Lin Đ số tiền gốc là 4.300.000.000 đồng và nợ lãi 3.247.345.500 đồng, là có căn cứ và phù hợp với pháp luật, nên kháng cáo của ông Lê Thái Khắc T là không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thái Khắc T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST, ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Thái Khắc T, xét thấy:

[1] Về số tiền vay gốc:

[1.1] Đối với khoản vay ngày 30/12/2017, số tiền vay là 1.550.000.000 đồng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Thái Khắc T thừa nhận có vay của vợ chồng ông V, bà Đ số tiền gốc là 1.550.000.000 đồng vào ngày 30/12/2017 và có ký giấy mượn tiền. Sau đó đã trả được 250.000.000 đồng nợ gốc và còn nợ số tiền là 1.300.000.000 đồng, ông T đồng ý trả số tiền gốc còn nợ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

[1.2] Đối với Giấy vay tiền ngày 17/7/2019, thể hiện nội dung ông Lê Thái Khắc T vay của ông Trương Hoài V, bà Trần Thị Lin Đ số tiền 3.000.000.000 đồng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T thừa nhận chữ viết và chữ ký mang tên Lê Thái Khắc T ở mục “Người yêu cầu vay tiền” tại Giấy vay tiền ngày 17/7/2019 là chữ ký và chữ viết của ông, nhưng ông không có vay số tiền này và không biết tại sao ông V, bà Đ lại có giấy vay tiền này và cho rằng có thể là do là chỗ bạn bè quen biết nhau, nên khi ông V, bà Đ đưa cho ông một số giấy tờ liên quan tới đất đai thì ông đã tin tưởng ký không và vợ chồng ông V, bà Đ đã viết nội dung thành giấy vay tiền. Tuy nhiên, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, còn phía nguyên đơn ông V, bà Đ không chấp nhận ý kiến của ông T và xác định ông T có vay số tiền 3.000.000.000 đồng vào ngày 17/7/2019; mặt khác, tại Giấy vay tiền ngày 17/7/2019 có thể hiện nội dung: “...Hai bên đã giao, nhận tiền cho nhau đầy đủ và cam kết thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên”. Do đó, trình bày của ông T là không có cơ sở chấp nhận; đồng thời tại Kết luận giám định số 715/KL-KTHS, ngày 09/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, đã kết luận với nội dung: Chữ ký, chữ viết họ tên Lê Thái Khắc T dưới mục “Người yêu cầu vay tiền” tại Giấy vay tiền ngày 17/7/2019, là chữ ký, chữ viết do ông Lê Thái Khắc T ký và viết ra. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông Lê Thái Khắc T có vay của vợ chồng ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ số tiền là 3.000.000.000 đồng vào ngày 17/7/2019.

[1.3] Như vậy, có đủ cơ sở kết luận ông Lê Thái Khắc T có vay tiền của vợ chồng ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ, cụ thể: Ngày 30/12/2017 vay 1.550.000.000 đồng, đã trả được 250.000.000 đồng và còn nợ 1.300.000.000 đồng; ngày 17/7/2019, vay 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng. Đến hạn, mặc dù vợ chồng ông V, bà Đ đã yêu cầu thanh toán nợ nhiều lần nhưng ông T vẫn chưa trả được nợ gốc và tiền lãi, là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông V và bà Đ, buộc vợ chồng ông T phải trả cho ông V, bà Đ số tiền nợ gốc 4.300.000.000 đồng và tiền lãi suất, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về lãi suất:

[2.1] Đối với khoản vay ngày 30/12/2017, số tiền còn nợ là 1.300.000.000 đồng, giấy vay không thể hiện thời hạn vay và lãi suất. Theo nguyên đơn xác định hai bên có thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm và lãi suất 1,5%/tháng. Tuy nhiên bị đơn cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận miệng tính theo lãi suất ngân hàng. Do các bên có tranh chấp về mức lãi nên việc bản án sơ thẩm xác định mức lãi suất

10%/năm, kể từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện (ngày 29/10/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/3/2023) là phù hợp quy định của pháp luật, cụ thể tiền lãi như sau: $(1.300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm) \times 02 \text{ năm } 04 \text{ tháng} = 303.333.333,333 \text{ đồng}$ (làm tròn là 303.333.000 đồng).

[2.2] Đối với khoản vay ngày 17/7/2019, số tiền vay là 3.000.000.000 đồng: Giấy vay tiền thể hiện thời hạn vay là 03 tháng và lãi suất 1,5%/tháng, nên đây là khoản vay có thời hạn và có thỏa thuận về lãi suất. Do đó, bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; buộc bị đơn ông T phải trả tiền lãi là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật, cụ thể tiền lãi như sau:

- Lãi trong hạn từ ngày 17/7/2019 đến ngày 17/10/2019, thời gian 03 tháng là: $(3.000.000.000 \text{ đồng} \times 1.5\%/tháng) \times 03 = 135.000.000 \text{ đồng}$;

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 18/10/2019 đến ngày 21/3/2023 (ngày xét xử sơ thẩm), là: $(3.000.000.000 \text{ đồng} \times 1.5\%/tháng \times 150\%) \times 41 \text{ tháng}$ (làm tròn) = 2.767.500.000 đồng;

- Lãi trên nợ lãi trong hạn từ ngày 18/10/2019 đến ngày 31/3/2023 (ngày xét xử sơ thẩm), là: $(135.000.000 \text{ đồng} \times 1.5\%/tháng) \times 50\% \times 41 \text{ tháng}$ (làm tròn) = 41.512.500 đồng.

[2.3] Như vậy, tổng số tiền của 02 khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 3.247.345.500 đồng $(303.333.000 \text{ đồng} + 135.000.000 \text{ đồng} + 2.767.500.000 \text{ đồng} + 41.512.000 \text{ đồng})$.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Lê Thái Khắc T phải trả cho nguyên đơn ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ tổng số tiền 7.547.345.500 đồng, trong đó: Nợ gốc là 4.300.000.000 đồng và nợ lãi là 3.247.345.500 đồng, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông Lê Thái Khắc T là không có cơ sở chấp nhận, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng đắn.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Thái Khắc T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Thái Khắc T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST, ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ.

1. Buộc bị đơn ông Lê Thái Khắc T phải trả cho nguyên đơn ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ tổng tiền là 7.547.345.500 đồng (Bảy tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng), trong đó: Số tiền nợ gốc là 4.300.000.000 đồng (Bốn tỷ ba trăm triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/3/2023) là 3.247.345.500 đồng (Ba tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký:

Buộc bị đơn ông Lê Thái Khắc T phải chịu 6.500.000 đồng chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký để hoàn trả cho ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ số tiền tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 6.500.000 đồng, sau khi thu được từ ông Lê Thái Khắc T.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Thái Khắc T phải chịu 115.547.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trương Hoài V và bà Trần Thị Lin Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.250.000 đồng, theo Biên lai số AA/2019/0011718 ngày 29/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kvà số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.560.000 đồng theo Biên lai số 60AA/2021/0007774 ngày 17/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Án phí phúc thẩm: Ông Lê Thái Khắc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000331 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 2);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình